

Bản án số: 611/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2018

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đăng Vạn

2. Bà Phan Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hương T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đường N, phường L, Quận X, Thành phố H

2. *Bị đơn:* Ông Cao Hoàng T1, sinh năm 1990

Địa chỉ: phường L, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/01/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hương T trình bày:

Bà và ông Cao Hoàng T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố H và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyền số 01/2010 ngày 19/4/2010. Khi bà T và ông T1 có đứa con đầu khoảng 6 tháng thì gia đình bà T rước hai vợ chồng bà T và con về nhà ngoại sinh sống. Bên gia đình bà T đã tạo điều kiện cho ông T1 làm ăn như sang lại tiệm sửa xe, rửa xe nhưng ông T1 không tập trung làm ăn mà lo chơi bời, bán hết đồ nghề sửa xe, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thường xuyên. Khi bà T sinh đứa con thứ hai thì phát hiện ông T1 nghiện may túy, bà T đã giấu gia đình cho ông T1 cơ hội nhưng ông T1 vẫn chứng nào tật đó và tiếp tục mua ma túy sử dụng thì bị Công an là anh họ của bà T bắt, từ đó gia đình bà T không cho ông T1 sống chung nhà nữa. Ông T1 hứa sẽ sửa đổi nhưng vẫn không làm được, ông T1 hết lần này đến lần khác lừa

gạt bà T, gia đình bà T và bạn bè bà T để có tiền sử dụng ma túy. Sau đó bà T và ông T1 ly thân nhau, trong thời gian ly thân thì ông T1 bị bắt đi cai nghiện. Sau hai năm đi cai nghiện trở về ông T1 vẫn không thay đổi, không lo làm ăn, ép buộc bà T quay lại chung sống, bà T không đồng ý thì ông T1 đe dọa giết bà T. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông T1, vợ chồng không thể hàn gắn với nhau, bà T yêu cầu ly hôn để yên ổn làm ăn lo cho hai con ăn học.

Về con chung: Vợ chồng bà T có 02 con chung tên Cao Hoàng H và Cao Hoàng P, hiện nay cả 02 con đều đang ở với bà T. Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Bị đơn là ông Cao Hoàng T1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông T1. Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Cao Hoàng H, Cao Hoàng P. Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 9 phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật, tuân theo nội quy phiên tòa. Đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự.

+ Về giải quyết nội dung vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và giao 02 con chung tên Cao Hoàng H và Cao Hoàng P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T yêu cầu ly hôn ông T1, nên đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và bị đơn ông T1 cư trú tại Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn là ông Cao Hoàng T1 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2010 ngày 19/4/2010 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố H cấp cho bà T và ông T1, thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 với lý do ông T1 không lo làm ăn, nghiện may túy. Bà T đã cho cơ hội nhiều lần nhưng ông T1 vẫn không sửa đổi, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2013 cho đến nay.

Ông T1 không đến Tòa án nhân dân Quận 9 để tham gia tố tụng, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà T.

Theo Công văn số 114/UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân phường L, Quận 9 có nội dung: “Trong quá trình chung sống ông T1 không lo làm ăn, hay tụ tập bạn bè ăn nhậu còn hăm dọa giết vợ con, vợ chồng bà T và ông T1 đã ly thân từ tháng 7/2013 cho đến nay”.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.... Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”

Xét quá trình sống chung giữa đôi bên thực tế có xảy ra mâu thuẫn, đôi bên đã ly thân 05 năm nay, giữa hai vợ chồng bà T và ông T1 không còn tình cảm với nhau, không còn sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà T yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông T1 là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ các Giấy khai sinh số 146, quyển số 01/2011 ngày 26/5/2010 và số 199, quyển số 01/2013 ngày 22/7/2013 cùng do Ủy ban nhân dân phường H, Quận B, Thành phố H cấp và lời khai của bà T có căn cứ xác định bà T và ông T1 có 02 người con chung là Cao Hoàng H và Cao Hoàng P

Xét cả 02 con chung đều đang ở với bà T từ khi bà T và ông T1 ly thân nhau; đồng thời cháu Cao Hoàng H có nguyện vọng ở với bà T.

Theo Công văn số 114/UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân phường L, Quận 9 có nội dung: “Cháu Cao Hoàng H và Cao Hoàng P hiện đang ở với bà T, bà T là người trực tiếp nuôi 02 con, điều kiện kinh tế bà T ổn định, đủ khả năng nuôi con”.

Ông T1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của bà T.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của bà T.

Bà T không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hương T được ly hôn với ông Cao Hoàng T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2010 ngày 19/4/2010 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận A, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Hương T và ông Cao Hoàng T1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hương T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Cao Hoàng H và Cao Hoàng P. Ông Cao Hoàng T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom con chung.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Nguyễn Thị Hương T chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003941 ngày 25/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Hương T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Trường hợp vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Q.9;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Q.9;
- UBND P. B, Quận A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Hiếu